

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2021

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Đặng Ngọc Thương

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: ông Trần Ngọc Q sinh năm: 1982

Địa chỉ: 49 Hàm Nghi, phường 9, thành phố V, tỉnh B. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Duy L, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 116 Trần Phú, phường 5, thành phố V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2021 và quá trình làm việc tại tòa, nguyên đơn ông Trần Ngọc Q trình bày:

Ông Trần Ngọc Q và bà Phạm Thị Duy L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố V, tỉnh B. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi từ năm 2011 cho đến nay. Nay ông Q xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Duy L

Con chung : ông Q xác định có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Hải L sinh năm: 2012. Ông Q đồng ý nhường quyền nuôi con chung cho bà Linh, ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa, bị đơn bà Phạm Thị Duy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L xác nhận về điều kiện chung sống và kết hôn như ông Q trình bày là đúng sự thật. Trong quá trình chung sống, bà L xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Bà L và gia đình đã nhiều lần góp ý nhưng ông Q không có thiện chí thay đổi, chỉ biết sống cho bản thân mình. Nay, ông Q yêu cầu được ly hôn, bà L không chấp nhận ly hôn.

Con chung: Bà L xác định có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Hải L sinh năm: 2012. Bà L có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì bà L chấp nhận và không có ý kiến gì.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa, hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với bà L

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Q được ly hôn với bà Phạm Thị Duy L

Con chung: Ông Q và bà L xác định có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Hải L sinh năm: 2012. Bà L có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu

ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay, cháu L đang thực tế sinh sống cùng mẹ, cháu cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và nhằm không để xáo trộn cuộc sống của trẻ nên đề nghị giao con cho bà L nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý. Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi nên đề nghị ghi nhận.

Tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 07/01/2021 ông Trần Ngọc Q có đơn khởi kiện bà Phạm Thị Duy L về việc xin ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Ông Trần Ngọc Q và bà Phạm Thị Duy L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 16-4-2010 tại UBND phường 5, thành phố V, tỉnh B, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông Q cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách, vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 và sống mỗi người một nơi từ tháng 8/2020 cho đến nay. Nay ông Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà L. Bà L thì cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông Q sống không có trách nhiệm với gia đình, mỗi người đều có tính cách khác biệt nhau, không thể hòa hợp. Nay ông Q yêu cầu ly hôn, bà L cho rằng bà là người Công giáo nên bà không chấp nhận ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Q, bà L là có thật, đã được hai bên đều xác nhận, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn gia đình, mỗi người sống cho cá nhân của mình không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyên vọng yêu cầu xin ly hôn của ông Q đối với bà L là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Ông Q và bà L xác định có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Hải L sinh năm: 2012. Bà L có nguyên vọng được nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay, cháu L đang thực tế sinh sống cùng mẹ, nhằm không để xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao con cho bà L nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng, bà L đồng ý mức cấp dưỡng như trên nên ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí: ông Q phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Q

- Về hôn nhân: ông Trần Ngọc Q được ly hôn với bà Phạm Thị Duy L
- Về con chung: Ông Q và bà L xác định có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Hải L, sinh năm: 2012. Bà Phạm Thị Duy L được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Ngọc Hải L; Ông Trần Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi trên số tiền gốc với mức lãi suất theo quy định

tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả và tương ứng với số tiền còn phải thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: ông Trần Ngọc Q phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007719 ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu. Ông Q đã nộp xong.

- Án phí cấp dưỡng định kỳ: ông Trần Ngọc Q phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPVT;
- Chi cục THADS TPVT;
- TAND tỉnh BRVT;
- UBND P. 5, TP. V
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG